TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5- ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2026/HS-ST
Ngày 26-01-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5- ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà **Trần Thị Mỹ Trinh**
Các Hội thẩm nhân dân: ông **Nguyễn Văn Thông**
ông **Phan D Nhựt**

- Thư ký phiên tòa: bà **Phạm Thị Mùi**, Thư ký Toà án nhân dân khu vực 5- Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5- Đà Nẵng tham gia phiên toà: bà **Nguyễn Thị Minh Hoàng -** Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5- Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 01/2026/TLST-HS ngày 05 tháng 01 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2026/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 01 năm 2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Văn D**; giới tính: nam; sinh ngày: 16/03/2007 tại xã L, thành phố Đà Nẵng. nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: thôn 5, xã L, thành phố Đà Nẵng; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; con ông Trần Văn Q, sinh năm 1968 và bà Trần Thị T, sinh năm 1973; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú", có mặt tại phiên toà.

- *Bị hại:* ông Võ Lê An P, sinh năm 2006; địa chỉ: khối phố Trường Đồng, phường Bàn Thạch, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ ông Nguyễn Tấn D, sinh năm 1984; địa chỉ: khối phố M, phường T, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

2/ ông Trần Văn Q, sinh năm 1968; địa chỉ: thôn 5, xã L, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 22 giờ 30 phút ngày 07/8/2025, Trần Văn D điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Jupiter biển số 92M1-071.67 đến tiệm Internet ở Số 09 Lê Lợi, phường T, thành phố Đà Nẵng để chơi game. Khi đến đây, D nhìn thấy trên vỉa hè có một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade, biển số 92B1-096.86 của anh Võ Lê An P đang dựng tại đó để vào bên trong giao đồ ăn khuya cho khách. Ở hộc bên trái phía trước cổ xe máy, anh Pcó để 01 (một) điện thoại di động Iphone 11 pro, màu xanh và 01 (một) điện thoại di động Redmi 10, màu trắng nên D nảy sinh ý định trộm cắp điện thoại trên để bán kiếm tiền tiêu xài. Sau khi quan sát thấy không có ai, D lén lút đi lại lấy 02 chiếc điện thoại trên bỏ vào túi quần, rồi điều khiển xe về phòng trọ tại kiệt 345 Phan Bội Châu, thuộc phường B, thành phố Đà Nẵng để nghỉ ngơi.

Đến khoảng 13 giờ 00 phút ngày 08/8/2025, D mang 02 chiếc điện thoại trộm cắp được đến tiệm điện thoại Duy ở Số 31 Lê Lợi, phường T, TP. Đà Nẵng của anh Nguyễn Tấn D để bán. Tại đây, D bán chiếc điện thoại Iphone 11 Pro với giá 600.000 đồng và yêu cầu thay vỏ mới cho chiếc điện thoại Redmi 10, anh D báo giá 450.000 đồng, D đồng ý và để điện thoại Redmi 10 lại cho anh D sửa chữa. Khoảng 16 giờ 15 phút cùng ngày, D quay lại tiệm điện thoại Duy để lấy điện thoại Redmi 10 đã sửa về sử dụng và anh D đưa cho D số tiền còn lại là 150.000đ sau khi trừ tiền bán điện thoại. Số tiền này ông D đã tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi phát hiện mất tài sản, anh P đã xem lại camera của tiệm internet thì phát hiện có 01 thanh niên đi vào lấy 02 cái điện thoại của mình nên đã đến Công an phường T trình báo sự việc. Qua xác minh, Công an đã mời Trần Văn D đến cơ quan làm việc, tại đây, D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với tài liệu chứng cứ Cơ quan điều tra đã thu thập được.

Kết luận định giá tài sản: Theo kết luận định giá tài sản số 213/KL-HĐĐGTS ngày 25/9/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự TP. Đà Nẵng kết luận: 01 (một) điện thoại di động Iphone 11 pro, 64Gb, màu xanh, không gắn sim, số IMEI: 353831102608883 trị giá 3.900.000 đồng; 01 (một) điện thoại di động Redmi 10, 128Gb, màu trắng, số IMEI 866534055628284 trị giá 850.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 61/CT-VKSKV5-HS ngày 31/12/2025 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 đã truy tố Trần Văn D về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên tội danh và khung hình phạt đối với bị cáo Trần Văn D về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát trong phần luận tội đã phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Văn D với mức án từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 12 (mười hai) đến 18 (mười tám) tháng.

*Về trách nhiệm dân sự: gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại Võ Lê An P số tiền 6.000.000 đồng, bồi thường cho ông Nguyễn Tấn D số tiền 600.000 đồng. Bị hại và ông D đã nhận tiền và không có yêu cầu gì thêm về dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

* Về xử lý vật chứng: đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không tranh luận, xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được đưa ra xem xét, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết đinh tố tụng: hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Nẵng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân khu vực 5 – Đà Nẵng, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Tại phiên tòa vắng mặt bị hại Võ Lê An P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Tấn D, tuy nhiên trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu thập lấy lời khai của những người này. Căn cứ vào Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo thủ tục chung.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: tại phiên toà bị cáo Trần Văn D khai nhận: vào khoảng 22 giờ 30 phút ngày 07/8/2025, tại vỉa hè trước Số 09 Lê Lợi, phường T, thành phố Đà Nẵng, Trần Văn D có hành vi lén lút trộm cắp của anh Võ Lê An P 01 điện thoại di động Iphone 11 pro, màu xanh trị giá 3.900.000 đồng và 01 điện thoại di động Redmi 10, màu trắng trị giá 850.000 đồng. Tổng giá trị tài sản trộm cắp là 4.750.000 đồng (bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Lời khai của bị cáo Trần Văn D tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ đã được Cơ quan điều tra chứng minh có tại hồ sơ vụ án; Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên vào ngày 07/8/2025, lợi dụng sự sơ hở của bị hại, bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt các tài sản gồm 01 điện thoại di động Iphone 11 pro, màu xanh trị giá 3.900.000 đồng và 01 điện thoại di động Redmi 10, màu trắng trị giá 850.000 đồng. Tổng giá trị tài sản trộm cắp là 4.750.000 đồng (bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Hành vi của bị cáo D đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, như Cáo trạng truy tố

số 61/CT-VKSKV5-HS ngày 31/12/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 và luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo là công dân có đầy đủ năng lực để điều khiển hành vi của mình, bị cáo có sức khỏe và điều kiện để lao động tạo ra của cải vật chất nuôi sống bản thân, tuy nhiên bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của bị hại trong việc quản lý tài sản để thực hiện hành vi trộm cắp nhằm để có tiền tiêu xài cá nhân, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo hộ, gây mất trật tự trị an tại địa phương, điều này thể hiện sự coi thường pháp luật của bị cáo. Do đó, cần phải xử bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm giáo dục, răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo tuổi đời còn trẻ nên Hội đồng xét xử xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, có nơi cư trú rõ ràng, ổn định, nên xét thấy không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo hưởng án treo cũng đủ cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

[4] Mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên toà đối với bị cáo là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Những vấn đề khác cần giải quyết trong vụ án:

- *Về trách nhiệm dân sự:* gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại Võ Lê An P số tiền 6.000.000 đồng, bồi thường cho ông Nguyễn Tấn D số tiền 600.000 đồng. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xét.

- *Về xử lý vật chứng vụ án:* Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự; xét thấy:

Đối với 01 quần đùi màu kem, 01 áo thun ngắn tay màu kem, 01 áo khoác dài tay màu đen (vải nỉ), 01 đôi dép nhựa màu nâu, 01 mũ bảo hiểm lưỡi trai bằng nhựa màu đen. Đây là đồ dùng của bị cáo Trần Văn D sử dụng khi trộm cắp tài sản, nên căn cứ tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại Redmi 10, màu trắng, số IMEI 866534055628284, gắn sim số 0865507414 và 01 điện thoại Iphone 11 pro, màu xanh, không gắn sim, số IMEI: 353831102608883. Đây là tài sản của ông Võ Lê An P nên Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh P là phù hợp.

Tiếp tục tuyên lưu theo hồ sơ vụ án 02 đĩa DVD bên trong có lưu trữ đoạn video liên quan đến vụ án.

Đối với xe mô tô Yamaha Jupiter màu đỏ đen, biển kiểm soát 92M1- 071.67. Qua xác minh, xe này do ông Trần Văn Q là cha ruột Trần Văn D đứng tên chủ sở hữu. Khoảng tháng 5/2025, ông Q đưa xe cho D xuống thành phố Tam Kỳ để làm phương tiện đi lại. Việc D sử dụng xe sau đó đi trộm cắp tài sản, ông Q không biết nên không có cơ sở để xử lý đối với ông Q. Tuy nhiên, bản thân Trần Văn D điều khiển xe không có giấy phép lái xe theo quy định, ông Q giao xe cho người không đủ điều kiện lái xe, đã vi phạm vào Nghị định 168/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ. Vì vậy, Cơ quan điều tra đã có công văn chuyển thông tin cùng xe mô tô 92M1- 071.67 đến Phòng Cảnh sát giao thông Công an TP. Đà Nẵng xử phạt vi phạm hành chính theo quy định là phù hợp.

[6] Về án phí: Áp dụng Điều 135; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí tòa án buộc bị cáo Trần Văn D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (trong phạm vi quyền hạn của mình) được quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015 *(sửa đổi, bổ sung năm 2017);* khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136; Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố: bị cáo Trần Văn D phạm tội: *"Trộm cắp tài sản".*

Xử phạt: bị cáo Trần Văn D 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 26/01/2026).

Giao bị cáo Trần Văn D về Ủy ban nhân dân xã L, thành phố Đà Nẵng để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp nếu người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

2. Về xử lý vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

- Tịch thu tiêu hủy: 01 quần đùi màu kem, 01 áo thun ngắn tay màu kem, 01 áo khoác dài tay màu đen (vải nỉ), 01 đôi dép nhựa màu nâu, 01 mũ bảo hiểm lưỡi trai bằng nhựa màu đen của bị cáo Trần Văn D.

- Lưu theo hồ sơ vụ án đối với 02 đĩa DVD bên trong có lưu trữ đoạn video liên quan đến vụ án.

(Vật chứng hiện đang được quản lý tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5- Đà Nẵng, theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/01/2026).

3. Về án phí: bị cáo Trần Văn D phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (trong phạm vi quyền hạn của mình) vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND thành phố Đà Nẵng;*
- *VKSND thành phố Đà Nẵng;*
- *VKSND khu vực 5- Đà Nẵng*
- *Phòng THADS khu vực 5- Đà Nẵng;*
- *Công an thành phố Đà Nẵng;*
- *Những người TGTT.*
- *Lưu HS, VT.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Thị Mỹ Trinh